

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua vị thuốc cổ truyền  
tại Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá năm 2023-2024**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật Dược số 34/2005/QH11 ngày 14/6/2005;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ Quy định về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo thuốc, trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: Số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; số 03/2019/TT-BYT ngày 28/03/2019 ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp; số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá tại Tờ trình số 593/TTr-BVTH ngày 26/6/2023; kèm theo Báo cáo Thẩm định số 87/BC-TTĐ ngày 20/6/2023 của Tổ thẩm định, Sở Y tế về việc báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá năm 2023 - 2024 và hồ sơ liên quan.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá, năm 2023 - 2024, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tên gói thầu: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá năm 2023 - 2024.
2. Phân chia gói thầu: thành 01 gói thầu, gồm 33 phần (33 mặt hàng)  
(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).
3. Giá gói thầu: 1.139.227.200 đồng. (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba chín triệu, hai trăm hai bảy nghìn, hai trăm đồng).
4. Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá.
5. Nguồn vốn: Nguồn thu viện phí, nguồn quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá.
6. Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu:
  - Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi (trong nước, qua mạng).
  - Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
  - Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III/2023.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 12 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

**Điều 2.** Chủ đầu tư (Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, VXslh.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, flowing characters, likely representing the name of the official.

**Đầu Thanh Tùng**

## PHỤ LỤC

**Danh mục gói thầu: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá năm 2023 - 2024**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số                   /QĐ-UBND ngày        /        /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| STT | Tên vị thuốc | Nhóm TCKT | Bộ phận dùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tên khoa học                           | Phương pháp chế biến      | Tiêu chuẩn chất lượng | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến | Giá kế hoạch (VNĐ) | Thành tiền |
|-----|--------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-------------|------------------|--------------------|------------|
| 1   | Quế nhục     | 2         | Vỏ thân hoặc cành lớn của cây Quế. Được cắt ngắn từ 1-3cm, dày khoảng 0,5cm. Mùi thơm, vị cay, ngọt, không mốc mọt. Theo tiêu chuẩn ĐDVN V                                                                                                                                                                                           | Cortex Cinnamomi                       | Thái phiến                | ĐDVN V hoặc TCCS      | Kg          | 30               | 229,530            | 6,885,900  |
| 2   | Kim ngân hoa | 2         | Nụ hoa có lẫn một số hoa phơi hay sấy khô của cây Kim ngân. Nụ hoa. hình ống. cong queo. màu vàng nâu. phủ đầy lông. mùi thơm nhẹ. đắng. Không vụn nát, không mốc mọt. Theo tiêu chuẩn được ĐDVN V                                                                                                                                   | Flos Lonicerae                         | Sơ chế                    | ĐDVN V hoặc TCCS      | Kg          | 10               | 734,500            | 7,345,000  |
| 3   | Sa nhân      | 2         | Quả gần chín đã bóc vỏ và phơi khô của cây Sa nhân. Hạt hình bầu dục, đường kính từ 1 -2cm. Hạt màu nâu sẫm, cứng nhẵn nhéo, đường kính 2 - 3 cm, dính theo lõi dính noãn trụ giữa. Cắt ngang thấy vỏ hạt màu nâu sẫm, hình khối nhiều mặt, ngoại nhũ màu trắng, nội nhũ màu trắng ngà. Mùi thơm, vị hơi cay. Theo tiêu chuẩn ĐDVN V | Fructus Amomi                          | Sơ chế                    | ĐDVN V hoặc TCCS      | Kg          | 20               | 441,000            | 8,820,000  |
| 4   | Trần bì      | 2         | Vị thuốc Trần bì là vỏ quả chín đã phơi hoặc sấy khô và để lâu năm của cây Quýt. Đạt ĐDVN V. a) Trần bì sao vàng có màu vàng hoặc vàng nâu. b) Trần bì sao cháy là các sợi quăn queo, màu đen, mùi thơm cháy đặc trưng, vị hơi đắng.                                                                                                 | Pericarpium Citri reticulatae perenne  | Sao vàng                  | ĐDVN V hoặc TCCS      | Kg          | 20               | 178,500            | 3,570,000  |
| 5   | Liên nhục    | 2         | Vị thuốc Liên nhục là hạt của cây Sen (đã tách bỏ phần tâm sen). Màu trắng ngà, không mốc mọt. Đạt ĐDVN V.                                                                                                                                                                                                                           | Semen Nelumbinis                       | Sao vàng                  | ĐDVN V hoặc TCCS      | Kg          | 30               | 229,950            | 6,898,500  |
| 6   | Thục địa     | 2         | Vị thuốc Thục địa là sản phẩm được chế biến từ Rễ cây Địa hoàng. Đạt ĐDVN V. Cừu chưng, cừu sái với rượu và nước gừng. Vị thuốc Thục địa có màu đen bóng, thể chất nhuận dẻo, cầm không thấy dính tay, mùi thơm ngọt đặc trưng.                                                                                                      | Radix Rehmanniae glutinosae praeparata | Chích rượu, gừng, sa nhân | ĐDVN V hoặc TCCS      | Kg          | 100              | 505,400            | 50,540,000 |

|    |                                       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                               |            |                  |    |     |           |             |
|----|---------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|------------------|----|-----|-----------|-------------|
| 7  | Độc Hoạt                              | 2 | Vị thuốc Độc hoạt chế là sản phẩm đã chế biến từ rễ phơi hay sấy khô của cây Độc hoạt, họ Hoa tán. Thái lát 1-2 mm sấy khô. Khô nhuận, màu nâu xám, vị cay, rất đắng. Theo tiêu chuẩn ĐDVN V                                                                                                  | Herba Elsholiziae ciliatae    | Thái편      | ĐDVN V hoặc TCCS | Kg | 150 | 315,000   | 47,250,000  |
| 8  | Khương hoạt                           | 2 | Vị thuốc Khương hoạt là thân rễ và rễ đã phơi khô của cây Khương hoạt hoặc Khương hoạt lá rộng, họ Hoa tán. Đạt ĐDVN V. Thái lát dày 5mm, phơi âm can, sấy 60 độ đến khô. Khương hoạt편 là những lát màu nâu vàng, khô, dễ gãy, mùi thơm hắc, vị đắng và cay.                                  | Rhizoma et Radix Notopterygii | Thái편      | ĐDVN V hoặc TCCS | Kg | 50  | 1,701,000 | 85,050,000  |
| 9  | Táo nhân                              | 2 | Vị thuốc Táo nhân là nhân (Hắc táo nhân) của hạt giả đã phơi hay sấy khô của cây Táo ta hay còn gọi là Táo chua. Đạt ĐDVN V.                                                                                                                                                                  | Semen Ziziphi mauritiana      | Sao đen    | ĐDVN V hoặc TCCS | Kg | 200 | 916,750   | 183,350,000 |
| 10 | Viễn chí                              | 2 | Vị thuốc Viễn chí là rễ phơi hay sấy khô của cây Viễn chí lá nhỏ và cây Viễn chí Xiberi tức Viễn chí lá trứng. Đạt ĐDVN V. Vị thuốc Viễn chí là những mảnh hoặc đoạn vỏ mỏng có màu vàng đậm, có những nếp nhăn và đường nứt ngang. Vị đắng nhẹ, hơi cay, hơi ngọt (viễn chí chích cam thảo). | Radix Polygalae               | Sao cám    | ĐDVN V hoặc TCCS | Kg | 20  | 1,598,200 | 31,964,000  |
| 11 | Xuyên khung                           | 2 | Vị thuốc Xuyên khung là sản phẩm đã chế biến từ thân rễ của cây Xuyên khung. Trích rượu. Xuyên khung đã chế biến có màu nâu hoặc nâu vàng (sao), thể chất cứng chắc, có mùi thơm đặc trưng, vị cay. Đạt ĐDVN V.                                                                               | Rhizoma Ligustici wallichii   | Chích rượu | ĐDVN V hoặc TCCS | Kg | 30  | 460,950   | 13,828,500  |
| 12 | Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh) | 2 | Vị thuốc Bạch linh (Phục linh) là thể nấm đã phơi hay sấy khô của nấm Phục linh, mọc ký sinh trên rễ một số loài Thông. Đạt ĐDVN V. Thái편. Vị thuốc Bạch linh là편 không đồng nhất, màu trắng đục, hồng nhạt hoặc nâu nhạt. Thể chất chắc hơi xốp.                                             | Poria                         | Thái편      | ĐDVN V hoặc TCCS | Kg | 20  | 330,750   | 6,615,000   |
| 13 | Thương truật                          | 2 | Vị thuốc Thương truật là thân rễ đã phơi hay sấy khô của cây Thương truật. Đạt ĐDVN V. a) Thương truật sao qua:편 thuốc dày 1 - 3 mm, khô giòn, mùi thơm đặc trưng. Bề mặt편 có màu trắng đục hay vàng nhạt, rải rác có nhiều chấm màu                                                          | Rhizoma Atractylodis          | Sao vàng   | ĐDVN V hoặc TCCS | Kg | 50  | 911,500   | 45,575,000  |

|    |                                               |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                              |             |                  |    |     |           |             |
|----|-----------------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------|------------------|----|-----|-----------|-------------|
|    |                                               |   | vàng đậm hay nâu nhạt của túi tiết tinh dầu. b) Thương truật sao vàng: Phiến thuốc dày 1 - 3 mm, khô giòn, mùi thơm đặc trưng. Bề ngoài mặt phiến có màu vàng tối hay vàng nhạt, rải rác có nhiều chấm màu vàng đậm hay nâu nhạt của túi tiết tinh dầu. c) Thương truật sao cháy: Phiến thuốc dày 1 - 3 mm, khô giòn, mùi thơm cháy bề mặt phiến thuốc có màu đen nâu, bên trong màu nâu.                                    |                              |             |                  |    |     |           |             |
| 14 | Bạch thược                                    | 2 | Vị thuốc Bạch thược (Thược dược) là rễ củ phơi hay sấy khô của cây Thược dược. Đạt ĐĐVN V. Thái phiến, sao, chích rượu. a) Bạch thược phiến: phiến bạch thược mỏng, trắng, khô, thẳng hay hơi cuộn lại. Vị ngọt hơi chua b) Bạch thược sao và Bạch thược chích rượu: có màu vàng nhạt, mùi thơm.                                                                                                                             | Radix Paeoniae lactiflorae   | Vì sao      | ĐĐVN V hoặc TCCS | Kg | 120 | 284,550   | 34,146,000  |
| 15 | Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vĩ/Quy râu) | 2 | Vị thuốc Đương quy là toàn rễ (toàn quy) đã phơi hay sấy khô của cây Đương quy. Đạt ĐĐVN V. Chích rượu. Vị thuốc Đương quy là phiến mỏng không đều, màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng, vị đắng ngọt, hơi cay.                                                                                                                                                                                                                | Radix Angelicae sinensis     | Chích rượu  | ĐĐVN V hoặc TCCS | Kg | 100 | 723,450   | 72,345,000  |
| 16 | Hà thủ ô đỏ                                   | 2 | Vị thuốc Hà thủ ô đỏ là rễ củ đã phơi hay sấy khô của cây Hà thủ ô đỏ. Đạt ĐĐVN V. Thái phiến, ngâm với nước vo gạo, đồ với đậu đen. Vị thuốc Hà thủ ô đỏ là phiến mỏng, khô cứng, có màu nâu thẫm đồng nhất. Vị hơi ngọt.                                                                                                                                                                                                   | Radix Fallopieae multiflorae | Chế đậu đen | ĐĐVN V hoặc TCCS | Kg | 100 | 266,700   | 26,670,000  |
| 17 | Câu kỷ tử                                     | 2 | Quả chín phơi hay sấy khô của cây Câu kỷ. Quả hình trứng hay trái xoan. dài từ 1-1,5cm, trong có nhiều hạt. vị ngọt hơi chua. Theo tiêu chuẩn được ĐĐVN V                                                                                                                                                                                                                                                                    | Fructus Lycii                | sơ chế      | ĐĐVN V hoặc TCCS | Kg | 100 | 414,750   | 41,475,000  |
| 18 | Ba kích                                       | 2 | Vị thuốc Ba kích là rễ đã phơi hay sấy khô và chế biến của cây Ba kích. Thái phiến, chích rượu, chích muối, chích cam thảo. Vị thuốc Ba kích là những mảnh nhỏ, có dạng quần queo, vỏ ngoài vàng nhạt hay hơi xám. Thê chất dai, mặt cắt ngang có màu tím nhạt, mùi thơm, vị thuốc Ba kích chích cam thảo có vị hơi ngọt, vị thuốc Ba kích chích muối có vị hơi mặn, vị thuốc Ba kích chích rượu có vị hơi chát. Đạt ĐĐVN V. | Radix Morindae officinalis   | Chích rượu  | ĐĐVN V hoặc TCCS | Kg | 100 | 1,151,850 | 115,185,000 |

|    |                 |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |            |                  |    |     |         |            |
|----|-----------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|------------------|----|-----|---------|------------|
| 19 | Cốt toái bồ     | 2 | Cốt toái bồ chế là sản phẩm đã chế biến của thân rễ đã phơi hay sấy khô của cây Cốt toái bồ, Đạt ĐĐVN V. Thái phiến mỏng từ 1-2mm. Trích rượu sao qua. Cốt toái bồ đã chế biến: có thể chất giòn, màu nâu đậm hoặc vàng đậm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Rhizoma Drynariae | Chích rượu | ĐĐVN V hoặc TCCS | Kg | 80  | 154,350 | 12,348,000 |
| 20 | Đỗ trọng        | 2 | Vị thuốc Đỗ trọng là vỏ thân đã phơi hay sấy khô của cây Đỗ trọng. Đạt ĐĐVN V. Thái phiến, chích muối, chích rượu, sao đen. a) Đỗ trọng phiến: Là những miếng vỏ phẳng hoặc hai bên mép hơi cong vào, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám tro. Mặt ngoài sần sùi, có nhiều nếp nhăn dọc và vết tích của cành con. Mặt trong vỏ màu sẫm, trơn, chất giòn, dễ bẻ gãy, mặt bẻ có nhiều sợi màu trắng ánh bạc, có tính đàn hồi như cao su. b) Đỗ trọng chích muối ăn: Là những miếng vỏ phẳng, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám đen, bẻ gãy không còn sợi tơ. c) Đỗ trọng chích rượu: Là những miếng vỏ phẳng, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám tro sẫm, bẻ gãy không còn sợi tơ. d) Đỗ trọng sao đen: Là những miếng nhỏ, thẳng, tương đối đều nhau. Màu đen, bóp gãy vụn. | Cortex Eucommiae  | Chích muối | ĐĐVN V hoặc TCCS | Kg | 100 | 157,700 | 15,770,000 |
| 21 | Nhục thung dung | 2 | Vị thuốc Nhục thung dung là thân có chất thịt, có vảy, đã phơi khô của cây Nhục thung dung. Đạt ĐĐVN V. Thái phiến, chưng rượu. a) Nhục thung dung phiến: Phiến thuốc hình tròn hoặc tròn vát. Mặt ngoài màu nâu hoặc nâu xám, phủ đầy những phiến vảy, sắp xếp như ngói lợp, chất thịt và hơi dẻo, thể chất nặng, mặt phiến thuốc màu nâu có những đốm nâu nhạt của những bó mạch xếp theo vòng lượn sóng. Mùi nhẹ, vị ngọt hơi đắng. b) Nhục thung dung chưng rượu: Phiến thuốc hình tròn hoặc tròn vát. Mặt ngoài và phiến thuốc màu nâu đen có những đốm nâu nhạt, chất thịt hơi dẻo. Mùi thơm nhẹ.                                                                                                                                                                                               | Herba Cistanches  | Chích rượu | ĐĐVN V hoặc TCCS | Kg | 50  | 818,000 | 40,900,000 |

|    |                    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                    |            |                     |    |     |         |             |
|----|--------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------|---------------------|----|-----|---------|-------------|
| 22 | Bạch truật         | 2 | Thân rễ (thường gọi là củ) phơi hay sấy khô của cây Bạch truật. Đạt tiêu chuẩn ĐĐVN V. Thái phiên khô 2-3mm. Tầm rượ, sao vàng. Bạch truật sau chế là các lát màu vàng thẫm, cạnh hơi xém đen. Có vị ngọt, mùi thơm đặc trưng của bạch truật.                                          | Rhizoma Atractylodis macrocephalae | Chích rượ  | ĐĐVN V hoặc TCCS    | Kg | 70  | 277,200 | 19,404,000  |
| 23 | Cam thảo           | 2 | Vị thuốc Cam thảo là rễ và thân rễ phơi hay sấy khô của cây Cam thảo. Đạt ĐĐVN V Thái phiên, chích mật. Vị thuốc Cam thảo có màu vàng nhạt (sinh Cam thảo), màu vàng đậm (Cam thảo chích mật). Vị ngọt đậm, đặc trưng của Cam thảo.                                                    | Radix Glycyrrhizae                 | Chích mật  | ĐĐVN V hoặc TCCS    | Kg | 100 | 240,450 | 24,045,000  |
| 24 | Đảng sâm           | 2 | Rễ phơi hoặc sấy khô của cây Đảng sâm. Đạt ĐĐVN V. Được chế biến thái phiên và chung. a) Đảng sâm phiên: Phiên thuốc màu trắng ngà, thể chất thịt, giữa có lõi gỗ. Mùi thơm, vị ngọt nhẹ. b) Đảng sâm chung: Phiên thuốc màu nâu đen thể chất thịt, giữa có lõi gỗ. Mùi thơm, vị ngọt. | Radix Codonopsis                   | Chích gừng | ĐĐVN V hoặc TCCS    | Kg | 150 | 733,950 | 110,092,500 |
| 25 | Hoàng kỳ (Bạch kỳ) | 2 | Vị thuốc Hoàng kỳ là rễ phơi hay sấy khô của cây Hoàng kỳ. Đạt ĐĐVN V. Thái phiên, chích mật sao nhò lửa đến vàng. Vị thuốc Hoàng kỳ bề ngoài có màu vàng nâu, hơi bóng, có mùi thơm và vị ngọt.                                                                                       | Radix Astragali membranacei        | Chích mật  | ĐĐVN V hoặc TCCS    | Kg | 80  | 439,000 | 35,120,000  |
| 26 | Bạch chỉ           | 2 | Phiên thuốc khô lát dày 0,2 - 0,4cm. Vị thuốc Bạch chỉ có vỏ ngoài màu vàng, nâu nhạt, trong ruột trắng ngà, có các vạch dọc theo rễ củ, mùi thơm đặc trưng, vị cay hơi đắng, dễ gãy vụn, chứa nhiều tinh bột. Độ ẩm không quá 14%. Cho phản ứng định tính theo ĐĐVN V.                | Radix Angelicae dahuricae          | Thái phiên | ĐĐVN V hoặc TCCS    | Kg | 20  | 261,240 | 5,224,800   |
| 27 | Dây đau xương      | 2 | Thân dây leo đã được thái lát mỏng từ 2-4cm mặt ngoài có những đốm gò cạn, không mốc mọt. Theo tiêu chuẩn ĐĐVN V                                                                                                                                                                       | Caulis Tinosporae tomentosae       | Sơ chế     | ĐĐVN V hoặc TCCS    | Kg | 100 | 44,500  | 4,450,000   |
| 28 | Xích thực          | 2 | Rễ đã phơi khô của cây Thược dược. Thái phiên dày 2-4mm, dài 3-6 cm. mặt ngoài màu nâu. mùi thơm. vị đắng. chua và chát. Không mốc mọt; Theo tiêu chuẩn ĐĐTQ 2010.                                                                                                                     | Radix Paeoniae                     | Sơ chế     | ĐĐTQ 2010 hoặc TCCS | Kg | 20  | 261,450 | 5,229,000   |



[illegible]